

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Trần Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22-9-2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 13-7-2022, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07-9-2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi N, sinh năm; địa chỉ: Tổ i, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn T, sinh năm; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – anh Bùi N trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh chị Nguyễn T kết hôn vào năm 2014. Khi kết hôn chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau đến khoảng đầu tháng 12/2014 thì vợ cT phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Cũng từ tháng 12/2014 đến nay, chị T đã bỏ về sống cùng cha mẹ chị T tại xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Kể từ đó, vợ cT không còn liên lạc gì với nhau.

Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh N xin được ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng anh Bùi N không có con chung.

+ Về tài sản chung: Anh Bùi N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 28-7-2022, bị đơn – chị Nguyễn T thống nhất với ý kiến của anh Bùi N về việc vợ chồng chị kết hôn, đăng ký kết hôn; mâu thuẫn vợ chồng; về con chung và tài sản chung. Nay do vợ chồng đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau, nên chị T cũng đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Tại phiên tòa: Anh Bùi N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Nguyễn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật:

+ Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đầy đủ các thủ tục tiến hành tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 203 và 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

+ Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi N:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi N và chị Nguyễn T được ly hôn.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn giữa anh với chị Nguyễn T. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Ngọc

Hội, tỉnh Kon Tum. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn"; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn - chị Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Hồ sơ vụ án thể hiện anh Bùi N và chị Nguyễn T tự nguyện kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 18-9-2014, nên theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T được pháp luật công nhận.

[3.2] Theo trình bày của cả chị T và anh N, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự khác nhau về lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ cuối năm 2014 đến nay, do vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung nên hai bên đã sống ly thân.

[3.3] Như vậy, có cơ sở xác định: Kể từ cuối năm 2014 vợ chồng anh N – chị T có xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Mặt khác, dù mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra trong một thời gian dài nhưng đến nay nguyên đơn và bị đơn vẫn không thể giải quyết để hàn gắn tình cảm và quay về sống chung. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, cả chị T và anh N đều có mong muốn được ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N - chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T và anh N được ly hôn, như quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi.

[3.4] Về con chung: Vợ chồng anh Bùi N – chị Nguyễn T không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Bùi N và chị Nguyễn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Bùi N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi N và chị Nguyễn T được ly hôn.
2. Về án phí: Anh Bùi N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Bùi N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA /2016/0002785 ngày 13-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi. Anh Bùi N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-9-2022), anh Bùi N có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Chị Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- UBND tt. Đăk Hà, h. Đăk Hà, t. Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Trường Thọ

